

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty chỉ đạo tập thể tất cả các hoạt động, không phân chia thành các tiêu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2024, HĐQT Công ty đã chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 thông qua, theo đó tập trung các nội dung chủ yếu sau: tăng cường công tác quản lý điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất kinh hoạt nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn.

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ cũng như bất thường để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh đến các mặt hoạt động SXKD. Các cuộc họp có chương trình cụ thể, đảm bảo số lượng thành viên dự họp và thủ tục biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý.

HĐQT đã tổ chức họp để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh; 12 tháng năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất, công tác tài chính, Công tác đầu tư xây dựng, Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và về các lĩnh vực khác. 12 tháng năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp và thông qua 61 nghị quyết cụ thể như sau:

**DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số TT	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	22/01/2024	Cho ý kiến về việc chủ trương sáp nhập Công ty Kinh doanh than Vĩnh Phú và Công ty Kinh doanh than Hà Nội trực thuộc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.	100%
2	25/01/2024	Thông qua kế hoạch ủng hộ kinh phí hoạt động của các CLB hưu trí Tổng công ty Cung ứng than Việt Nam, CLB hưu trí cơ quan Công ty và thăm hỏi cán bộ hưu trí nguyên là CB viên chức thuộc Tổng công ty Cung ứng than Việt Nam	100%
3	30/01/2024	Tạm trích quỹ tiền lương hạch toán vào chi phí SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	100%
4	05/02/2024	Thành lập Ban chỉ đạo về Dự án đầu tư xây dựng: Cảng thủy nội địa Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải) tại xã Đông Trà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	100%
5	22/02/2024	Thông qua việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
6	23/02/2024	Thông qua việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin (thêm)	100%

7	28/02/2024	Thông qua việc rà soát phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
8	06/3/2024	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin đi công tác tại Úc theo Quyết định 362/QĐ-TKV ngày 23/02/2024	100%
9	11/3/2024	Chuẩn bị Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin năm 2024	100%
10	25/3/2024	Phê duyệt Quỹ tiền lương hạch toán vào chi phí SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	100%
11	25/3/2024	Thông qua chủ trương “Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”.	100%
12	25/3/2024	- Quyết toán thù lao đối với thành viên kiêm nhiệm, thành viên độc lập HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2023; - Quyết toán tiền lương năm 2023 đối với Chủ tịch Công đoàn chuyên trách Công ty;	100%
13	01/4/2024	Đánh giá hoạt động SKKD quý 1 năm 2024 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 2 năm 2024.	100%
14	04/4/2024	Đồng ý cử các Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Ông Phạm Ngọc Bảo – Thành viên HĐQT Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin đi công tác tại Lào theo Quyết định 614/QĐ-TKV ngày 04/4/2024	100%
15	12/4/2024	Thông qua việc rà soát công tác quản lý, sử dụng đất của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
16	16/4/2024	Cho ý kiến về việc biểu quyết chính thức thông qua và quyết định bổ nhiệm Ông Hoàng Minh Long giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin, nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 16/4/2024	100%
17	19/4/2024	Thông qua việc rà soát hiện trạng quản lý và sử dụng các cơ sở điều dưỡng của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
18	23/4/2024	Thông qua chủ trương xin sử dụng văn phòng làm việc của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin tại 226 Lê Duẩn và triển khai thực hiện DA kho trung chuyển, chế biến và pha trộn than Quảng trị của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
19	24/4/2024	Thống nhất các nội dung để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
20	25/4/2024	Thông qua việc “Làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin (Địa chỉ: Phường Đội Cung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An)”	100%
21	06/5/2024	Cho ý kiến về việc tổ chức Chương trình gặp mặt, giao lưu ôn lại truyền thống vẻ vang của TKV và kết hợp tham quan Cửa Lò – Quê Bác (Nghệ An) cho các thành viên CLB hưu trí TKV nhân	100%

		dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Tổng Công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam (10/10-1994 - 10/10/2024)”	
22	14/5/2024	Thanh toán tiền thưởng cho Chủ tịch Công đoàn năm 2023	100%
23	14/5/2024	Thông qua việc ban hành Quy chế lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động SX, KD và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn SX, KD của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
24	31/5/2024	- Thông qua chủ trương tổ chức tham quan, du lịch nước ngoài hè năm 2024 cho CBCNV của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
25	03/6/2024	Triển khai các văn bản của TKV về việc “Triển khai các thủ tục đầu tư dự án kho trung chuyển, chế biến và pha trộn than Quảng Trị” và “Điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024”	100%
26	05/6/2024	Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023 cho các cổ đông sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
27	06/6/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức Chương trình gặp mặt, giao lưu, ôn lại truyền thống vẻ vang của TMB và kết hợp tham quan những địa điểm có ý nghĩa truyền thống cách mạng, di tích lịch sử cho các đồng chí nguyên là lãnh đạo CLB hưu trí TMB qua các thời kỳ nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (10/10/1994 – 10/10/2024) và 30 năm thành lập Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin (01/4/1995-01/4/2025)	100%
28	17/6/2024	Cho ý kiến về việc “Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nâng cấp khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, Nghệ An và nghĩa trang liệt sỹ phường An Lưu, Thị xã Kinh Môn, Hải Dương”	100%
29	03/7/2024	Đánh giá hoạt động SKKD quý 2 năm 2024 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 3 năm 2024.	100%
30	04/7/2024	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin đi công tác tại Hoa Kỳ, Colombia, Dominica theo Quyết định 1259/QĐ-TKV ngày 04/7/2024	100%
31	05/7/2024	Thông qua chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin (TMB) tạm thời sử dụng 01 tầng (tầng 6) tòa nhà 7 tầng của Tập đoàn tại số 226 Lê Duẩn, phường Trung phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với thời gian dự kiến 01 năm để làm địa điểm kinh doanh và giao nhiệm vụ cho Công ty Kinh doanh than Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan.	100%
32	11/7/2024	Thông qua việc ban hành “Quy chế về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động kinh doanh than của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”	100%

33	02/8/2024	Thông qua việc ban hành “Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin” và “Quy chế quản lý và sử dụng TSCĐ của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”	100%
34	08/8/2024	Phê duyệt kế hoạch đóng góp “Kinh phí Hội thảo KHKT Mở Toàn quốc năm 2024” và “Ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam nhân kỷ niệm 63 năm thảm họa da cam ở Việt Nam (10/8/1961-10/8/2024)”	100%
35	08/8/2024	Thông qua “Quy định công tác khám sức khỏe, chúc thọ, mừng thọ cho nguyên cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”	100%
36	16/8/2024	Thông qua nhu cầu sử dụng nhà, đất của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin theo Công văn số 4259/TKV-ĐT ngày 26/7/2024 của TKV.	100%
37	22/8/2024	Thông qua “Kế hoạch PHKD năm 2025, báo cáo dự kiến thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025 và xây dựng kế hoạch 5 năm 2026 – 2030 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin” để làm cơ sở đăng ký với TKV.	100%
38	28/8/2024	Cho ý kiến về việc “Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn Biểu Chánh xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định”	100%
39	30/8/2024	Thông qua các nội dung phúc đáp văn bản số 200/ANĐT ngày 10/7/2024 của Công An tỉnh Phú Thọ	100%
40	04/9/2024	Phê duyệt Kế hoạch tiền lương của Người quản lý Công ty và Chủ tịch Công đoàn chuyên trách Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin từ 01/7/2024	100%
41	12/9/2024	Triển khai văn bản số 5119/TKV-ĐT ngày 12/9/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc “Điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024” và Thông qua việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin	100%
42	16/9/2024	Cho ý kiến về việc “Hỗ trợ những gia đình CBCNV bị thiệt hại nặng nề về tài sản do hậu quả của cơn bão Yagi”	100%
43	30/9/2024	Đánh giá hoạt động SKKD quý 3 năm 2024 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 4 năm 2024.	100%
44	04/10/2024	Phê duyệt tổ chức chương trình “Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10/2024”	100%
45	08/10/2024	Thông qua kế hoạch “Ủng hộ Khoa Kinh tế và QTKD – Trường ĐH Mở Địa Chất Hà Nội kỷ niệm 25 năm thành lập”	100%
46	11/10/2024	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin đi công tác tại Liên bang Nga theo Công văn số 5685/TKV-TCNS ngày 10/10/2024	100%
47	11/10/2024	Thông qua kế hoạch “Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa cho 01 hộ gia đình tại phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa”	100%

48	01/11/2024	Thông qua việc ban hành “Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin và các đơn vị trực thuộc TMB”	100%
49	01/11/2024	Thông qua việc ban hành “Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”	100%
50	01/11/2024	Triển khai văn bản số 5994/TKV-ĐT ngày 30/10/2024 của TKV về việc “Thông báo điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”	100%
51	01/11/2024	Cho ý kiến việc “Ủng hộ Trung tâm cấp cứu A9 – Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội”	100%
52	07/11/2024	Triển khai Công văn số 6178/TKV-TN ngày 06/11/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc “Thành lập kho chế biến, pha trộn than tại xã Tân Tiến, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)	100%
53	27/11/2024	Đồng ý cử Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin đi công tác tại Singapore và Nhật Bản trong tháng 12 năm 2024	100%
54	05/12/2024	Thông qua kế hoạch mua quà tặng bằng hiện vật cho CBCNV Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025	100%
55	09/12/2024	Thông qua Phương án chuyển xếp lương và nâng bậc lương đối với Người quản lý và Chủ tịch Công đoàn chuyên trách Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin từ ngày 01/7/2024 áp dụng theo Quyết định số 3067/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2024.	100%
56	09/12/2024	Thông qua việc “Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2024 điều chỉnh của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin” và “Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin”	100%
57	26/12/2024	Thông qua việc ban hành “Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin” (trùng lặp thời gian họp, TCNS chưa ký xong)	100%
58	26/12/2024	Thông qua việc “Hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Xuân Ất Tỵ năm 2025 tại xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình”	100%
59	30/12/2024	Đánh giá hoạt động SKKD quý 4 và năm 2024; Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2025 và xây dựng kế hoạch SXKD quý 1 năm 2025.	100%
60	31/12/2024	Thông qua việc “Hỗ trợ kinh phí để ủng hộ Tết vì người nghèo nhân dịp Xuân Ất Tỵ năm 2025 tại tỉnh Quảng Trị”	100%
61	31/12/2024	Thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin được quyết định, trực tiếp ký kết các Hợp đồng vay vốn, bảo lãnh, thư tín dụng nhằm mục đích đảm bảo nguồn vốn, chủ động và thuận lợi cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và Công ty.

- Chủ trì giúp HĐQT thực hiện giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực:

- + Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty.

- + Công tác kiểm soát nội bộ, pháp chế.

- + Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty hàng năm.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty đã tham gia các khóa đào tạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban, số cổ phần sở hữu 11.916 cổ phần, chiếm 0,079%.

- Cao Thị Nhung - Ủy viên, số cổ phần sở hữu 1.200 cổ phần, chiếm 0,008%.

- Bùi Thị Phương Thảo – Ủy viên, số cổ phần sở hữu 1.200 cổ phần, chiếm 0,008%.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát căn cứ vào kế hoạch năm để triển khai, đầu năm 2024 Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và thực hiện hoàn thành tốt chương trình kiểm tra giám sát đã đề ra.

- Hàng tháng Ban Kiểm soát làm việc tại Công ty, đã thực hiện công tác giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty. Kiểm tra, kiểm soát quản trị chi phí, công nợ, phân tích tuổi nợ hàng tồn kho, tình hình huy động và sử dụng vốn của Công ty, công tác lao động tiền lương, kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc, công tác kế toán văn phòng Công ty.

- Hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính của Công ty, lập biên bản kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành về các mặt như văn bản quy chế quy định, thực hiện kế hoạch SXKD, công tác tài chính kế toán, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các đơn vị trực thuộc, do địa

bàn hoạt động của Công ty trải dài các tỉnh phía nên các nội dung kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát thường được lồng ghép các nội dung chuyên đề, phối hợp kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán. Các cuộc kiểm tra, kiểm soát, giám sát, tập trung vào các nội dung như:

- + Xem xét báo cáo tài chính và kiểm tra phân phối thu nhập, công nợ phải thu, các khoản chi tiêu tài chính, thực hiện kế hoạch ĐTXD, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, tình hình huy động và sử dụng vốn... của Công ty.

- + Kiểm tra công tác chế biến than, ký kết hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng, quản lý theo dõi GGT nhận than.

- + Kiểm tra việc xây dựng và thực hiện các qui chế, qui định của Công ty tại các đơn vị trực thuộc.

- + Kiểm tra công tác tuyển dụng, quản lý lao động, thực hiện quy chế tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy chế quản lý ĐTXD, kiểm soát chi phí và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đã được HĐQT phê duyệt.

Từ đó Ban kiểm soát đã đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát Công ty Kiểm toán độc lập về việc kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 tại các đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát Công ty kiểm toán độc lập, Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin và các đơn vị trực thuộc về công tác kiểm kê 6 tháng và năm 2024.

- Thực hiện tốt các báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định của TKV. Thực hiện tốt việc thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, các báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2024 hoạt động của Ban kiểm soát có nhiều khó khăn do lực lượng Ban kiểm soát mỏng, có ba thành viên trong đó hai thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, các thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm ngoài thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát còn phải thực hiện nhiệm vụ tại các phòng. Địa bàn hoạt động của Công ty rộng có nhiều chi nhánh đơn vị trực thuộc, các trạm cửa hàng trải dài khắp các tỉnh Miền Bắc; Quy mô và sản lượng của Công ty ngày càng lớn, sản lượng than mua bán, pha trộn chế biến than nhiều, hồ sơ đầu thầu các dịch vụ thuê ngoài nhiều, việc thực hiện vay ngân hàng giải ngân diễn ra thường xuyên nên khối lượng công việc kiểm tra giám sát lớn, số ngày kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc ngắn trong khi đó lượng soát xét chứng từ sổ sách lớn nên Ban kiểm soát không thể kiểm tra 100% chứng từ được mà chỉ thực hiện theo phương pháp chọn mẫu nên phát hiện các sai sót nằm trong các mẫu đã chọn (tuy nhiên việc thực hiện theo phương pháp chọn mẫu phù hợp đúng quy định).

- Thường xuyên học hỏi để nâng cao năng lực chuyên môn, trau dồi kiến thức về quản lý tài chính, pháp luật để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Trong năm 2024 Ban Kiểm soát đã được Ban lãnh đạo điều hành Công ty, các đơn vị trực thuộc tạo điều kiện giúp đỡ.

- Năm 2024, Ban Kiểm soát thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bám sát thực tiễn kinh doanh, kiểm tra phát hiện các sai sót, nhằm uốn nắn kịp thời khi có sai phạm. Thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch kế hoạch kiểm tra, kiểm soát đã đề ra. Phối kết hợp với Ban lãnh đạo điều hành Công ty, các phòng nghiệp vụ Công ty, Kiểm toán nội bộ Công ty và Công ty kiểm toán độc lập trong công tác kiểm tra kiểm soát Công ty và các đơn vị trực thuộc. Trong quá trình kiểm tra kiểm soát đã kịp thời phát hiện những sai sót từ đó góp phần hoàn thiện, khắc phục trong những tháng tiếp theo. Hết năm 2024 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, kinh doanh có lãi, đời sống cán bộ công nhân viên được ổn định, Công ty bảo toàn được vốn. Năm 2024 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trước các Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

- Công ty không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

- Công ty không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

- Hầu hết các quy định về quản trị Công ty tại thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh, tuy nhiên còn một số nội dung chưa thực hiện được:

- + Chưa thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- + Chưa tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY và được chấp nhận toàn phần, cụ thể ý kiến của kiểm toán viên như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Viancomin tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	Đã điều chỉnh lại VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.941.365.606.255	3.863.015.149.726

Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.767.530.131	27.465.146.278
Tiền	111		17.767.530.131	27.465.146.278
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.031.280.515.944	986.943.882.560
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.012.904.834.366	957.620.341.867
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.096.894.247	728.949.072
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.298.765.768	31.614.570.058
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.019.978.437)	(3.019.978.437)
Hàng tồn kho	140		2.844.014.386.507	2.757.354.203.374
Hàng tồn kho	141	10	2.917.523.943.392	2.757.354.203.374
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.509.556.885)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		48.303.173.673	91.251.917.514
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	8.381.926.554	13.521.820.976
Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.983.273.669	74.081.151.091
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.937.973.450	3.648.945.447
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.167.889.315	88.563.661.374
Tài sản cố định	220		47.548.903.000	43.836.441.952
Tài sản cố định hữu hình	221	13	44.606.076.775	41.148.831.585
- Nguyên giá	222		187.050.633.996	179.304.482.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.444.557.221)	(138.155.650.865)
Tài sản cố định vô hình	227	14	2.942.826.225	2.687.610.367
- Nguyên giá	228		5.935.903.091	4.586.830.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.993.076.866)	(1.899.220.502)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.901.743.478	1.819.398.440
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	9.901.743.478	1.819.398.440
Tài sản dài hạn khác	260		43.717.242.837	42.907.820.982
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	43.717.242.837	42.907.820.982
TỔNG TÀI SẢN	270		4.042.533.495.570	3.951.578.811.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.197.523.646.557	3.249.284.504.290
Nợ ngắn hạn	310		3.197.523.646.557	3.249.284.504.290
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	699.594.536.635	593.627.866.463
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	29.333.024.981	53.882.945.873
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	91.614.083.305	49.525.656.554
Phải trả người lao động	314		30.600.089.391	35.766.071.275
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.862.601.594	4.581.778.658
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	30.273.144.557	63.671.195.021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.286.186.839.683	2.419.853.733.295
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.059.326.411	28.375.257.151
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		845.009.849.013	702.294.306.810
Vốn chủ sở hữu	410	21	845.009.849.013	702.294.306.810
Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.184.136.731	6.775.003.780
Quỹ đầu tư phát triển	418		215.079.619.284	114.001.686.238
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		474.746.092.998	431.517.616.792
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		275.095.967.795	93.373.599.468
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		199.650.125.203	338.144.017.324
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.042.533.495.570	3.951.578.811.100

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	41.775.818.154.215	37.113.183.010.928
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	41.775.818.154.215	37.113.183.010.928
Giá vốn hàng bán	11	24	40.193.816.352.756	35.602.892.917.034
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.582.001.801.459	1.510.290.093.894
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	80.156.549.705	10.036.540.122
Chi phí tài chính	22	26	207.969.421.251	130.997.000.880
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>174.222.340.686</i>	<i>60.828.183.484</i>
Chi phí bán hàng	25	27	1.183.823.326.866	926.669.325.973
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	76.778.737.989	77.047.068.803
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		193.586.865.058	385.613.238.360
Thu nhập khác	31	28	75.821.459.237	43.616.395.417
Chi phí khác	32	29	2.990.671.966	6.368.158.190
Lợi nhuận khác	40		72.830.787.271	37.248.237.227
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		266.417.652.329	422.861.475.587
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	66.767.527.126	84.717.458.263
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		199.650.125.203	338.144.017.324
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	13.310	24.339

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 Đã điều chỉnh lại VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		266.417.652.329	422.861.475.587
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.428.392.720	5.498.597.687
Các khoản dự phòng	03		73.509.556.885	-
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		608.766.283	(9.631.532.067)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(350.360.096)	(561.023.092)
Chi phí lãi vay	06		174.222.340.686	60.828.183.484
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		519.836.348.807	478.995.701.599
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.527.783.965)	(932.579.955.844)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(160.169.740.018)	(756.363.731.895)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		100.173.245.351	(994.976.366.131)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.330.472.567	(36.395.199.500)
Tiền lãi vay đã trả	14		(175.751.236.694)	(58.014.437.268)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(81.592.900.172)	(86.357.082.300)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(30.934.452.516)	(15.045.384.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		169.363.953.360	(2.400.736.456.199)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.770.233.951)	(2.285.312.301)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	172.228.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		350.360.096	405.008.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.419.873.855)	(1.708.076.246)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		16.421.175.961.943	9.703.678.445.099
Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.554.842.855.555)	(7.283.824.711.804)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.974.802.040)	(29.905.060.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(163.641.695.652)	2.389.948.672.685
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.697.616.147)	(12.495.859.760)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	27.465.146.278	39.961.006.038
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	17.767.530.131	27.465.146.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin tiền thân là Tổng Công ty Quản lý và phân phối than được thành lập theo Quyết định số 1878/QĐ-TCCB ngày 19/12/1974 của Bộ Điện và Than. Đến ngày 04/03/1995 được đổi tên thành Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc theo Quyết định số 140/NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng và trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4234/QĐ-BCN ngày 28/12/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015276 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2007. Trong quá trình hoạt động các thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật, mã số doanh nghiệp của Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 10. Trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13 ngày 20/10/2022 với mã số doanh nghiệp là 0100100689.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 5 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 150.000.000.000 đồng chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu của Công ty là TMB.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chế biến và tiêu thụ than.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2024, có những thời điểm khó khăn do diễn biến thời tiết phức tạp, lượng mưa nhiều, khiến cho các Nhà máy Thủy điện vận hành nhiều hơn các Nhà máy Nhiệt điện. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động, linh hoạt xây dựng phương án, kịch bản sản xuất, kinh doanh tháng, quý phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo an toàn và hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty cũng được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) trong các giải pháp điều hành.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Stt	Tên Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Chi nhánh Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin tại Quảng Ninh	Số 11 Lê Thánh Tông, P.Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh than
2	Xí nghiệp Kinh doanh than Cầu Đuống	Số 342A Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, TP Hà Nội	Chế biến & Kinh doanh than
3	Phân xưởng chế biến than Kinh Môn	Thôn Ngư Uyên, Long Xuyên, Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Chế biến than
4	Phân xưởng chế biến và kinh doanh than Tiền Hải	Cánh đồng Nhị Đoàn, Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Chế biến than
5	Trạm Chế biến và kinh doanh than Kim Thành	Khu Phụ Sơn, Phường An Lưu, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Chế biến than
6	Trạm Chế biến và kinh doanh than Nghi Thiết	Xóm Mới, xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Chế biến than
7	Công ty Kinh doanh than Hải Phòng	105 Trần Phú, Ngô Quyền, TP Hải Phòng	Chế biến than
8	Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa	Số 75 Quang Trung, P.Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chế biến & Kinh doanh than
9	Công ty Kinh doanh than Hà Bắc	Số 26A Hoàng Quốc Việt, P.Thị Cầu, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Chế biến & Kinh doanh than
10	Công ty Kinh doanh than Hà Nam Ninh	Số 2 Văn Cao, P.Văn Miếu, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	Chế biến & Kinh doanh than
11	Công ty Kinh doanh than Bắc Thái	Số 633 Dương Tự Minh, P.Tân Long, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Chế biến & Kinh doanh than
12	Công ty Kinh doanh than Hà Nội	Số 5 Phan Đình Giót, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội	Chế biến & Kinh doanh than
13	Công ty Kinh doanh than Ninh Bình	KCN Khánh Phú, Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Chế biến & Kinh doanh than
14	Công ty Kinh doanh than Vĩnh Phú (*)	Kiến Thiết, P.Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Chế biến & Kinh doanh than
15	Công ty Kinh doanh than Nghệ Tĩnh	Số 124 Trần Hưng Đạo, P.Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh than & dịch vụ khách sạn

(*) Sáp nhập Công ty Kinh doanh than Vĩnh Phú vào Công ty Kinh doanh than Hà Nội kể từ 01/03/2025 theo Quyết định số 381/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chấm dứt hoạt động Công ty Kinh doanh than Vĩnh Phú trực thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – VINACOMIN theo Quyết định số 382/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

1.8 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 611 nhân viên đang làm việc (tại ngày đầu năm là 601 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng cơ quan điều hành và các Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được thông báo tại Thông báo số 23/TKV-KTTC ngày 03/01/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

Trong đó:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào (chuyển khoản) của Ngân hàng là: 25.251 đồng/USD
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là: 25.551 đồng/USD

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh và tại thời điểm lập báo cáo.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho

việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh đối với những lô hàng hoá nhập về bán thẳng và theo phương pháp bình quân gia quyền đối với các trường hợp còn lại.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian sử dụng (năm)

- 06 - 25
- 03 - 08
- 06 - 10
- 03 - 04

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

4.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo công văn số 3122/TKV-TMB của Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

4.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản lãi vay, chi phí vận chuyển..., là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

4.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện chốt danh sách cổ đông.

4.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá (chi tiết nhóm hàng hoá sản phẩm thực bán của Công ty), cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	3.694.698.236	5.386.065.935
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.072.831.895	22.079.080.343
Cộng	17.767.530.131	27.465.146.278